

Số: 58/2020/QĐST-DS

B, ngày 18 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 9 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 205/2020/TLST-DS ngày 7 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: 1/ Anh Lê Văn C, sinh năm 1987

2/ Chị Trần Huỳnh N, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp A B, xã A H, huyện B, tỉnh B T

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Võ Trần D, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp H N 1, xã H L, huyện G T, tỉnh B T.

- *Bị đơn*: 1/ Ông Ca Văn R, sinh năm 1963

2/ Bà Trần Thị S, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: ấp A B, xã A H, huyện B, tỉnh B T

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn ông Ca Văn R và bà Trần Thị S có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Lê Văn C, Trần Huỳnh N số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng); Thời gian ông Ca Văn R và bà Trần Thị S trả tiền cho Lê Văn C, Trần Huỳnh N là kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do hòa giải thành được giảm 50% là: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Đòi bên đồng ý nộp theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Ca Văn R và bà Trần Thị S tự nguyện nộp thay án phí của nguyên đơn phải đóng.

Ông R, bà S thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp phần đóng án phí của bị đơn theo quy định của pháp luật là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Phần 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của nguyên đơn phải đóng mà ông R, bà S nhận nộp thay thì theo quy định tại khoản 3, điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, thì ông R, bà S phải nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Hoàn trả cho nguyên đơn Lê Văn C, Trần Huỳnh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002618 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi Cục THADS huyện B;
- TAND tỉnh B T;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đặng Mộng Tuyền